

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 05/02/2021
V/v: “Chia thừa kế và đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hồng Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lương Văn Thoại

Bà Nguyễn Thị Nga

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2019/TLST – DS ngày 22/01/2019 về tranh chấp: “ Chia thừa kế ”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2020/QĐXXST- DS ngày 18 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nh, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”.

- Bị đơn: Ông Tr, sinh năm 1953; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “ Vắng mặt”.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà H, sinh năm 1939; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”;

2. Ông Th, sinh năm 1945; địa chỉ: đường Nguyễn Đăng, phường Suối Hoa, Thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

3. Bà Đ, sinh năm 1955; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”;

4. Bà TĐ, sinh năm 1960; địa chỉ: phố Vĩnh Hồ, phường Thịnh Quang, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”;

Người đại diện theo ủy quyền của bà H; Ông Th; Bà Đ; Bà TĐ là bà Nh (Văn bản ủy quyền ngày 04/3/2019).

5. Chị H, sinh năm 1976; địa chỉ: KĐT Gamuda Gardens, quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội;

6. Chị N, sinh năm 1985; địa chỉ: phố Ngọc Khánh, phường Giảng Võ, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội;

7. Chị VTH, sinh năm 1953; địa chỉ: khu dân cư cao cấp Gia Hòa, số 523a Đỗ Xuân Hợp, Phước Long B, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh;

8. Chị TTH, sinh năm 1978; địa chỉ: khu dân cư cao cấp Gia Hòa, số 523a Đỗ Xuân Hợp, Phước Long B, quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Anh S, sinh năm 1980; nơi ở: Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, Thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Tổng cục giáo dục nghề nghiệp – Vụ kỹ năng nghề – 37B Nguyễn Bình Khiêm, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội;

10. Bà TTN, sinh năm 1958. “ Vắng mặt”;

11. Anh NĐH, sinh năm 1978. “ Vắng mặt”;

12. Chị L, sinh năm 1981. “ Vắng mặt”;

13. Cháu DH, sinh năm 2009;

14. Cháu NH, sinh năm 2012;

Người đại diện theo pháp luật của cháu Huy và cháu Hà là Anh NĐH và Chị L (là bố mẹ của các cháu).

15. Anh NDD, sinh năm 1982. “ Vắng mặt”;

16. Chị NTN, sinh năm 1981. “ Vắng mặt”;

17. Cháu A, sinh năm 2012;

18. Cháu GH, sinh năm 2016;

Người đại diện theo pháp luật của cháu An và cháu Hân là Anh NDD và Chị NTN (là bố mẹ của các cháu).

Cùng địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

19. Ông HXB - Trưởng thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

20. Ủy ban nhân dân xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là ông Tô Hữu Vĩnh, chức vụ chủ tịch UBND xã Dương Xá; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quang Vinh chức vụ phó chủ tịch UBND, (Văn bản ủy quyền ngày 11/8/2020); địa chỉ: Xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. “Có mặt”;

21. Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật là ông Lê Anh Quân chức vụ chủ tịch UBND huyện Gia Lâm; người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thái Học, chức vụ phó chủ tịch UBND huyện, (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2020); địa chỉ: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Chị VTH, Ông Th, Chị H, Chị N, Chị TTH, Anh S, ông Trưởng thôn Dương Đình, Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm làm đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nh trình bày:

Cụ Nguyễn Đình Mong và cụ Nguyễn Thị Hồng có 08 người con chung là: Nguyễn Thị Hương; Nguyễn Đình Thản; Nguyễn Thị Tiến (đã chết năm 2009) bà Tiến có chồng là ông Nguyễn Hữu Phúc ly hôn năm 2000 và có hai người con là Nguyễn Thị Thu Hà và Nguyễn Thanh Nga; Nguyễn Đình Chiến (đã chết năm 2011) ông Chiến có vợ là Chị VTH và có 02 người con là Nguyễn Đình Sơn và Nguyễn Thị Thu Hằng; Nguyễn Đình Tranh; Nguyễn Thị Đấu, Nguyễn Thị Nhung; Nguyễn Thị Điệp.

Ngoài ra, hai cụ không có ai là bố nuôi, mẹ nuôi, vợ hoặc chồng, con nuôi, con riêng, người có quan hệ chăm sóc nuôi dưỡng nào khác.

Tài sản của hai cụ gồm hai thửa đất ở là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, diện tích 247m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội và một thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, diện tích 355, 4m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội đứng tên Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Đình Thản, Nguyễn Thị Tiến (đã chết), Nguyễn Đình Chiến (đã chết), Nguyễn Đình Tranh, Nguyễn Thị Đấu, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Điệp, được ghi nhận trong giấy xác nhận đăng ký đất đai ngày 24/06/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai – Chi nhánh huyện Gia Lâm.

Hai cụ trước khi chết có cho Ông Tr 01 mảnh đất là thửa đất số 74 và viết di chúc cho bà Nh 01 mảnh đất diện tích là 34m² nằm ở vị trí thửa đất số 74 đều ở địa chỉ: Thôn Dương Đình, Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Tài sản riêng của cụ Nguyễn Thị Hồng là 482m² đất nông nghiệp cấp theo Nghị định 64. Gồm 03 thửa đất, tổng diện tích 482m², tờ bản đồ số 383-C-IV tại thôn Dương Đình và đến năm 2000 đã được cấp GCN QSDĐ số Q870381 ngày 19/12/2000. Sau đó khoảng năm 2003 -2004, theo chính sách của Nhà nước thì 03 thửa đất nông nghiệp trên của hộ gia đình bà Hồng được đổi sang thửa đất số 31(4), tờ bản đồ 23, diện tích 482m² tại địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội.

Bà Nh yêu cầu chia thừa kế với hai tài sản gồm: Thửa đất số 31 (4), tờ bản đồ số 23, diện tích 482m²; 34m² đất ở do bố mẹ cho ngày 01/10/1997 có giấy viết tay của bố mẹ bà Nh. Sau đó khoảng năm 2004 hoặc 2005 cụ Mong có nói với bà Nh là con ra lấy đất nông nghiệp ngoài cổng làng để nhà Tranh lấy đất này làm nhà ở, nhà Tranh không có đất nông nghiệp nữa, cụ Mong nói: “chúng tao dặn kỹ thằng Hùng rồi, nhà mày lấy đất của cô Nhung làm nhà ở thế nhà mày không có đất nông nghiệp nữa đâu nhé, cháu Hùng vâng lời với bố tôi và tiến hành làm nhà ở”, sự hoán đổi đất nông nghiệp lấy đất nhà ở giữa cụ Mong và cháu Hùng chỉ nói miệng mà không ghi giấy tờ gì cả.

Bị đơn Ông Tr trình bày:

Về nhân thân ông đồng ý với phần trình bày của nguyên đơn. Về di sản thừa kế: Tài sản chung của bố mẹ ông gồm có một thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, diện tích 355, 4m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Lúc còn sống di chúc cho 08 người con làm nhà thờ họ Nguyễn Đình, và một mảnh đất nông nghiệp của mẹ ông 482m². Ông Tr làm ruộng cùng mẹ ông từ bé, đến khi mẹ ông 80 tuổi không làm được nữa nên giao lại cho ông làm cho đến bây giờ, hàng năm ông vẫn đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước. Còn cô Nhung nói bố cho 34m² đất ở, ông hoàn toàn không biết việc này. Còn đòi đất nông nghiệp ông không đồng ý, vì toàn bộ anh chị em đi làm viên chức Nhà nước, chỉ có mình ông làm nông nghiệp; mẹ ông đã giao toàn quyền cho ông lúc còn sống. Ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Ng- ời có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H, Bà Đ, Bà TĐ, Ông Th trình bày: Thống nhất phần trình bày của bà Nh về nhân thân và di sản của cụ Nguyễn Đình Mong và cụ Nguyễn Thị Hồng; yêu cầu chia thừa kế là 482m² đất nông nghiệp của cụ Hồng theo quy định của pháp luật. Ông Th, bà H, Bà TĐ nhường phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Nh.

Anh NĐH trình bày: Anh NĐH là con trai của Ông Tr và Bà TTN, anh không biết việc đổi đất 34m² giữa bà Nh và Ông Tr. Hiện nay anh đang sử dụng thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, diện tích 247m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Thửa đất đứng tên bố mẹ anh. Anh NĐH xây

dựng hai căn nhà một căn xây dựng năm 2001 giáp với thửa đất làm nhà thờ của ông bà nội và một căn xây năm 2015 - 2016. Anh không biết việc ông bà nội cho bà Nh 34m². Từ khi anh làm nhà không ai có ý kiến gì. Anh đề nghị Tòa giải quyết yêu cầu của bà Nh theo quy định của pháp luật.

Anh NDD, Chị NTN, chị Anh Lan Bà TTN không có văn bản nêu ý kiến của mình gửi Tòa án.

Anh S, Chị TTH, Chị VTH, Chị H, Chị N trình bày: Thống nhất phần trình bày của bà Nh về nhân thân và di sản của cụ Nguyễn Đình Mong và cụ Nguyễn Thị Hồng; yêu cầu chia thừa kế là 482m² đất nông nghiệp của cụ Hồng theo quy định của pháp luật.

UBND huyện Gia Lâm trình bày: Ngày 31/12/2014 Hội đồng nhân dân xã Dương Xá có Nghị quyết số 12/2014/NQ – HĐND thống nhất đề cho thôn, xã đổi đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng sang vị trí khác mà chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép là không đúng quy định theo Điều 59 Luật đất đai năm 2013. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

UBND xã Dương Xá trình bày: UBND huyện Gia Lâm đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: A870383 cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng, diện tích 482m² tại tờ bản đồ số 383 – C – IV, tại thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội. Trong quá trình sử dụng gia đình bà Hồng đã đổi đất với cơ sở thôn Dương Đình để làm công trình phúc lợi. Hội đồng nhân dân xã làm văn bản đề nghị UBND huyện Gia Lâm cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng sang vị trí mới là thửa số 31(4), tờ bản đồ 23, diện tích 482m². Đề nghị Tòa án công nhận diện tích 482m² đất nông nghiệp ở vị trí mới là di sản của hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng; phần diện tích đo thực tế lớn hơn diện tích 482m² mà Ông Tr tự sử dụng giáp với UBND xã Dương Xá thuộc đất công và thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND nên đề nghị Tòa án không xem xét diện tích đất thừa này.

Ông Trưởng thôn Dương Đình trình bày: Thống nhất phần trình bày của UBND xã Dương Xá, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm giải quyết yêu cầu của bà Nh theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát huyện Gia Lâm. Về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trừ Ông Tr, Bà TTN, Anh NĐH, chị Anh Lan, Anh NDD, Chị NTN (không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự); về đường lối giải quyết: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nh, chia thừa kế theo pháp luật là đất nông nghiệp 482m² ở thôn Dương Đình, xã Dương Xá huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, bác yêu cầu giải quyết của bà Nh là 34m² đất ở, không chấp nhận giấy bàn giao của cụ Nguyễn Thị Hồng có nội dung giao quyền cho Ông Tr quản lý, sử dụng 482m² đất nông nghiệp; về án phí: Đề nghị Tòa án miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cho các đương sự từ 60 tuổi. Các đương sự khác phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã- ọc thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Đối với yêu cầu của bà Nh đề nghị Tòa chia thừa kế theo văn giao quyền sử dụng đất ở ngày 01/10/1997 của cụ Nguyễn Đình Mong và cụ Nguyễn Thị Hồng là 34m² đất ở, nội dung là: Nay do tình hình gia đình riêng của con gái là Nguyễn Thị Nhung (1959) có khó khăn nên chúng tôi cho miếng đất để làm nhà diện tích 34m², có sơ đồ kèm theo. Văn bản này được coi là hợp đồng tặng cho tài sản vì bản chất: “cho miếng đất để làm nhà ở”. Vì vậy, cần xác định lại quan hệ pháp luật là đòi lại tài sản (vì vợ chồng Ông Tr đang sử dụng diện tích 34m²) mới đúng bản chất sự việc chứ không phải chia thừa kế 34m² vì văn bản giao quyền sử dụng đất không phải là di chúc. Về tư cách tham gia tố tụng không thay đổi vì quyền và nghĩa vụ của các đương sự vẫn được bảo đảm.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ thì đây là vụ án: “ Chia thừa kế và đòi lại tài sản”, tài sản tranh chấp tại: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Do vậy theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015, thì thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là 30 năm kể từ thời điểm mở thừa kế. Cụ Mong mất năm 2006, cụ Hồng mất năm 2011, ngày 02/01/2019 bà Nh khởi kiện đến Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế của hai cụ nên đơn khởi kiện của bà Nh nằm trong thời hiệu khởi kiện.

Chị VTH, Ông Th, Chị H, Chị N, Chị TTH, Anh S, ông Trưởng thôn Dương Đình, Ủy ban nhân dân huyện Gia Lâm làm đơn xin xử vắng mặt; vợ chồng Ông Tr, vợ chồng Anh NĐH, vợ chồng Anh NDD vắng mặt lần hai. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ, lời khai của các đương sự xác định:

Bố mẹ bà Nh là cụ Nguyễn Đình Mong, sinh năm 1921, mất ngày 12/01/2006 và cụ Nguyễn Thị Hồng, sinh năm 1920 mất ngày 11/12/ 2011 có 08 người con chung là: Nguyễn Thị Hường; Nguyễn Đình Thản; Nguyễn Thị Tiên (đã chết ngày 14/2/2009) bà Tiên có chồng là ông Nguyễn Hữu Phúc ly hôn năm

2000 và có hai người con là Nguyễn Thị Thu Hà và Nguyễn Thanh Nga, Nguyễn Đình Chiến (đã chết ngày 24/2/2011) ông Chiến có vợ là Chị VTH và có 02 người con là Nguyễn Đình Sơn và Nguyễn Thị Thu Hằng; Nguyễn Đình Tranh; Nguyễn Thị Dâu; Nguyễn Thị Nhung; Nguyễn Thị Điệp.

Tài sản của hai cụ gồm hai thửa đất ở là thửa đất số 74, tờ bản đồ số 17, diện tích 247m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Thửa đất này được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ: 911/QĐ-UB ngày 14/10/ 2005 của UBND huyện Gia Lâm cấp cho Ông Tr và Bà TTN. Nguồn gốc thửa đất này là của hai cụ Mong và cụ Hồng cho khi các cụ còn sống; thửa đất thứ hai làm nhà thờ đứng tên Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Đình Thán, Nguyễn Thị Tiến (đã chết), Nguyễn Đình Chiến (đã chết), Nguyễn Đình Tranh, Nguyễn Thị Dâu, Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Điệp, được ghi nhận trong giấy xác nhận đăng ký đất đai ngày 24/06/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Gia Lâm thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 17, diện tích 355, 4m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội. Những người con, cháu của hai cụ không yêu cầu giải quyết tài sản trên nên Tòa án không phải giải quyết.

[3]. Đối với yêu cầu của bà Nh đề nghị Tòa chia thừa kế theo văn giao quyền sử dụng đất ở ngày 01/10/1997 của cụ Nguyễn Đình Mong và cụ Nguyễn Thị Hồng là 34m² đất ở nằm ở thửa đất mà hiện nay đứng tên vợ chồng Ông Tr, nếu không phải trả bằng diện tích đất nông nghiệp tức là suất hưởng thừa kế của Ông Tr. Xét văn bản giao quyền sử dụng có nội dung là: Nay do tình hình gia đình riêng của con gái là Nguyễn Thị Nhung (1959) có khó khăn nên chúng tôi cho miếng đất để làm nhà ở, diện tích 34m², có sơ đồ kèm theo. Về bản chất thì đây được coi là hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất được điều chỉnh theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1996. Bởi vì ngày 01/10/1997 cụ Mong và cụ Hồng viết giấy giao quyền vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 1996 đang có hiệu lực thi hành. Theo quy định tại khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1996 quy định: Tặng cho bất động sản phải được lập thành văn bản có chứng nhận của Công chứng Nhà nước hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền và phải đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nếu theo quy định của pháp luật bất động sản phải đăng ký quyền sở hữu. Văn bản giao quyền sử dụng đất trên không có chứng nhận của Công chứng Nhà nước hoặc có chứng thực của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm nên không có hiệu lực. Mặt khác vào năm 2004 khi cả cụ Mong và cụ Hồng còn sống, vợ chồng Ông Tr đã làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; rồi năm 2001, 2011, 2015 gia đình Ông Tr xây dựng hai căn nhà nằm trên phần đất mà cụ Mong và cụ Hồng cho vợ chồng Ông Tr trong đó có diện tích 34m² đất ở mà không ai có ý kiến gì và gia đình Ông Tr gồm vợ chồng Ông Tr và các con, cháu Ông Tr Bà TTN sử dụng ổn định nhiều năm nay. Do đó, yêu cầu Tòa án giải quyết 34m² đất ở của bà Nh là không có căn cứ pháp luật. Từ phân tích trên cũng đồng thời không chấp nhận việc hoán đổi 34m² đất ở sang đất nông nghiệp phần Ông Tr được hưởng thừa kế cho bà Nh.

[4]. Đối với diện tích đất nông nghiệp 482m² được cấp năm 1999 và được cấp giấy chứng nhận số: 0323/QSDĐ/1150, ngày 19/12/2000 của UBND huyện Gia Lâm cấp cho hộ gia đình bà Nguyễn Thị Hồng. Gồm 03 thửa: Số 65, diện tích 219m²; số 25, diện tích 89m²; số 26, diện tích 174m²; tờ bản đồ số 383 – C - IV; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Theo xác nhận của UBND xã Dương Xá thì hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Hồng chỉ có một nhân khẩu là cụ Nguyễn Thị Hồng vì các con cụ Hồng và cụ Mong đi thoát ly, Ông Tr có tiêu chuẩn riêng nên đây là di sản của cụ Hồng. Quá trình biến động vào năm 2003 đã đổi cho thôn Dương Đình làm công trình phúc lợi của thôn và được chuyển đến vị trí mới thuộc thửa đất số 31 (4), tờ bản đồ số 23, diện tích 482m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. Tại Nghị quyết số 12/NQ – HĐND ngày 31/12/2014 của HĐND xã Dương Xá có văn bản gửi UBND huyện Gia Lâm làm thủ tục chuyển đổi cho hộ gia đình cụ Nguyễn Thị Hồng sang vị trí mới thửa đất số 31 (4), tờ bản đồ số 23, diện tích 482m²; địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội nhưng chưa được giải quyết. Tuy nhiên để bảo đảm quyền lợi của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Hồng thì phải công nhận diện tích 482m² đất nông nghiệp ở vị trí mới là di sản để chia cho những người được thừa kế là có căn cứ đảm bảo sự công bằng cho đương sự. Căn cứ Điều 660 Bộ luật dân sự 2015 thì yêu cầu của bà Nh chia di sản của cụ Hồng là 482m² đất nông nghiệp là có căn cứ.

Ông Tr cho rằng đất này khi còn sống cụ Hồng đã làm giấy bàn giao ngày 01/12/2006 cho ông sử dụng nên ông không đồng ý chia thừa kế. Xét giấy bàn giao ngày 01/12/2006 đánh máy có đóng dấu của UBND xã Dương Xá vào chữ đánh máy nguyên Thị Hồng và dấu vân tay ở dưới chữ Người làm đơn, theo UBND xã Dương Xá cung cấp việc đóng dấu là không phù hợp quy định về đóng dấu vì không có chữ ký của người có thẩm quyền, cũng không xác định ai đóng dấu; mặt khác cụ Hồng chỉ điểm chỉ không ký, không viết thì phải có người làm chứng thì mới bảo đảm nội dung giấy giao quyền là khách quan, thể hiện ý chỉ của người giao quyền; hơn nữa, nội dung giấy bàn giao chỉ thể hiện giao quản lý, sử dụng chứ không phải là di chúc hay hợp đồng tặng cho nên không có giá trị pháp lý thể hiện việc chuyển dịch quyền sử dụng tài sản cho Ông Tr. Nên ý kiến của Ông Tr là không có căn cứ pháp luật.

[5]. Đối với diện tích đo thực tế là 579m² lớn hơn diện tích 482m² nằm giáp ranh với UBND xã mà Ông Tr sử dụng theo UBND xã Dương Xá cung cấp thì Ông Tr tự sử dụng vào đất công do UBND xã quản lý thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã Dương Xá nên đề nghị Tòa án chỉ giải quyết di sản thừa kế của cụ Hồng là 482m². Do đó, Tòa án không giải quyết diện tích đất thừa này là có cơ sở.

[6]. Về chia thừa kế: Theo biên bản thẩm định tại chỗ, kết quả đo đạc và định giá tài sản thì diện tích đất di sản thừa kế là 823.000đ/m² x 482m² = 396.686.000 đồng. Chia cho 08 kỷ phần, mỗi kỷ phần được 60,25m² trị giá: 49.585.750 đồng. Phần của ông Chiến, bà Tiến chết trước cụ Hồng nên các con

được hưởng thừa kế thế vị theo quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự năm 2015.

Phần của bà H, Bà TĐ, Ông Tr nhượng lại cho bà Nh là sự tự nguyện nên được chấp nhận. Như vậy, bà Nh được nhận 4 kỷ phần.

Về công sức duy trì, phát triển khối tài sản để đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho Ông Tr thì phải áng trích công sức bằng tiền là 10.000.000đ là phù hợp, diện tích đất chia đều cho các kỷ phần để đảm bảo việc sử dụng được thuận lợi. Do đó, các kỷ phần thanh toán cho Ông Tr là: 10.000.000đ: 08 = 1.250.000 đồng/một kỷ phần. Ông Tr nhận (1.250.000 đồng x 07 (kỷ phần) = 8.750.000 đồng).

Ông Tr phải có trách nhiệm di dời tài sản để trả lại đất cho các thừa kế vì tài sản của Ông Tr ảnh hưởng đến việc sử dụng đất của những người được chia thừa kế.

[7]. Về án phí: Miễn án phí cho bà Nh, Bà Đ, Ông Tr vì trên 60 tuổi; Chị H và Chị N; Chị TTH và Anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được hưởng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 227, 228, 271, 273 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 463 Bộ luật dân sự năm 1996;

Căn cứ các điều 357, 468, 612, 613, 623, 650, 651, 652, 660 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Nhung.

1. Giao cho bà Nh 241m² đất; giao cho Bà Đ 60,25m² đất; giao cho Ông Tr 60,25m² đất; giao cho Chị H và Chị N 60,25m² đất; giao cho Chị TTH và Anh S 60,25m² đất. Thuộc thửa đất số 31 (4), tờ bản đồ số 23; diện tích 482m² (đất nông nghiệp); địa chỉ: Thôn Dương Đình, xã Dương Xá, Gia Lâm, Hà Nội. (Có sơ đồ kèm theo).

Buộc Ông Tr phải di dời tài sản để trả lại đất cho các thừa kế.

Bà Nh trả tiền công sức 5.000.000 đồng; Bà Đ 1.250.000 đồng; Chị H và Chị N 1.250.000 đồng; Chị TTH và Anh S 1.250.000 đồng. Số tiền trên trả cho Ông Tr.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu của bà Nh về việc đòi lại vợ chồng Ông Tr và Bà TTN 34m2 đất ở.

3. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nh, Bà Đ, Ông Tr. Chị H và Chị N phải chịu 2.416.787 đồng án phí dân sự sơ thẩm; Chị TTH và Anh S phải chịu 2.416.787 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án.

Tr- ờng hợp Bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Chi cục THADS huyện Gia Lâm;
- TAND TP. Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hồng Quang